

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOA LƯU, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Tươi và bà Hoàng Thị Kim
Phượng

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Bích Phượng - Thư ký Toà án nhân dân
thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoa
Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2024/TLST-
DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025;
Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025
giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân Hàng T** (viết tắt là: O); địa chỉ: số B (tầng trệt,
lửng, 1, 2 của tòa nhà) và số B đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Văn H và ông
Nguyễn Ngọc K; địa chỉ: số B đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Ninh Bình
là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 12/2024/UQ-OCB-
THN ngày 06/12/2024).

* Bị đơn: **anh Trần Xuân N** sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà T, đường L, phố P, phường P, thành phố N (nay là phường V, thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông H); vắng mặt ông K, anh N không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn Huy người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân Hàng T (viết tắt là Ngân hàng T) trình bày: anh Trần Xuân N vay vốn của Ngân hàng T theo các hợp đồng cụ thể như sau:

* Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ký ngày 09/03/2022 và khế ước nhận nợ số 0078/2022/KUNN-OCB-CN ngày 09/03/2022. Số tiền cho vay 200.000.000 đồng. Số tiền nhận nợ 200.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng, mua sắm trang thiết bị gia đình. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12%/năm. Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. ("Thời gian cố định"). Từ tháng thứ 04 trở đi lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 09/06/2022. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VND (+) biên độ 6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đối với Ngân hàng T kể từ ngày 10/3/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 04/12/2024, anh N đã trả cho Ngân hàng T số tiền 112.804.060 đồng (trong đó: gốc 70.029.569 đồng; lãi 41.894.800 đồng, lãi chậm trả 879.691 đồng); còn nợ số tiền gốc 110.090.000 đồng; lãi 7.799.285 đồng; lãi chậm trả là 181.186 đồng. Tổng cộng 118.070.471 đồng.

* Giấy đề nghị kiểm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022. Hạn mức 100.000.000 đồng, mục đích: tiêu dùng, thời hạn sử dụng thẻ 60 tháng, lãi suất 33%/năm. Quá trình thực hiện Hợp đồng anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T kể từ ngày 15/5/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày

20/12/2024, anh N đã trả cho Ngân hàng T số tiền là 50.508.337 đồng (trong đó: gốc 6.111.882 đồng; lãi 44.396.455 đồng); còn nợ số tiền gốc 93.888.118 đồng; lãi 25.801.089 đồng; tổng cộng 119.689.207 đồng.

Tính đến ngày 20/12/2024, anh Trần Xuân N còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là 238.449.397 đồng (trong đó: gốc 203.978.118 đồng; lãi 34.256.691 đồng; nợ lãi chậm trả 214.588 đồng).

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng T đề nghị Tòa án: buộc anh Trần Xuân N phải trả cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 20/12/2024 tổng số tiền là 238.449.397 đồng và trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân kể từ ngày 21/12/2024 cho đến khi anh Trần Xuân N trả hết nợ cho Ngân hàng T.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân Hàng T; không nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án. Nhiều lần Tòa án triệu tập anh N để lấy lời khai đối với yêu cầu của Ngân Hàng T nhưng anh N không có mặt; thông báo đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không có mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Tại phiên tòa Ngân hàng T đề nghị Tòa án: buộc anh Trần Xuân N phải trả cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 17/6/2025 là 269.079.363 đồng, cụ thể:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ký ngày 09/03/2022 số tiền nợ gốc 110.090.000 đồng; nợ lãi trong hạn 15.855.761 đồng; nợ lãi quá hạn 780.061 đồng; tổng cộng 126.725.822 đồng.

- Nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 số tiền nợ gốc 93.888.118 đồng; nợ lãi 48.465.423 đồng; tổng cộng 142.353.541 đồng.

Và trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ

và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân kể từ ngày 18/6/2025 cho đến khi anh Trần Xuân N trả hết nợ cho Ngân hàng T.

** Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án nguyên đơn giao nộp:*

- Bản sao Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 mang tên Trần Xuân N, hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng; Thông báo giao dịch thẻ tín dụng tên chủ thẻ Trần Xuân N tổng số tiền 96.999.000 đồng; Bảng kê tính lãi.

- Bản sao Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN và Khế ước nhận nợ số 0078/2022/KUNN-OCB-CN ngày 09/3/2022 giữa Ngân hàng T và anh Trần Xuân N số tiền vay 200.000.000 đồng; Bảng kê tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 91, Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với anh Trần Xuân N về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Anh Trần Xuân N phải trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày 17/6/2025 là 269.079.363 đồng, cụ thể:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ký ngày 09/03/2022 số tiền nợ gốc 110.090.000 đồng; nợ lãi trong hạn 15.855.761 đồng; nợ lãi quá hạn 780.061 đồng; tổng cộng 126.725.822 đồng.

- Nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 số tiền nợ gốc 93.888.118 đồng; nợ lãi 48.465.423 đồng; tổng cộng 142.353.541 đồng.

Anh Trần Xuân N tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân kể từ ngày 18/6/2025 cho đến khi anh Trần Xuân N trả hết nợ cho Ngân hàng T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Xuân N phải nộp án phí theo quy định. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 5.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002448 ngày 17/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là thành phố Hoa Lư).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng T khởi kiện đối với anh Trần Xuân N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: phố P, phường P, thành phố N (nay là phường V, thành phố H), tỉnh Ninh Bình. Bị đơn trong vụ án là anh Trần Xuân N là cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, vay tiền với mục đích tiêu dùng và mua sắm trang thiết bị gia đình. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 09/3/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 thể hiện anh Trần Xuân N có nơi cư trú tại địa chỉ phố P, phường P, thành phố N (nay là phường V, thành phố H), tỉnh Ninh Bình). Tuy nhiên, anh N đã thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới, được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Trần Xuân N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh N.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không có ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì. Do đó, Tòa án

xem xét đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Về hiệu lực Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 09/3/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022.

Về hình thức, nội dung, mục đích và chủ thể tham gia giao kết hợp đồng và ý chí của các bên trong hợp đồng hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 117 của Bộ luật dân sự. Do đó hai hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật.

* Về nghĩa vụ trả nợ:

Bị đơn anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 mang tên Trần Xuân N; Thông báo giao dịch thẻ tín dụng tên chủ thẻ Trần Xuân N; Bảng kê tính lãi; Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ký ngày 09/3/2022; Khế ước nhận nợ số 0078/2022/KUNN-OCB-CN ngày 09/3/2022; Bảng kê tính lãi do ngân hàng cung cấp thể hiện: anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/3/2024 và Hợp đồng mở sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 14/11/2022 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Việc xác định khoản nợ gốc, cách tính lãi suất trong hạn, quá hạn của Ngân hàng phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật. Do anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 17/6/2025. Cụ thể:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ký ngày 09/03/2022 số tiền nợ gốc 110.090.000 đồng; nợ lãi trong hạn 15.855.761 đồng; nợ lãi quá hạn 780.061 đồng; tổng cộng 126.725.822 đồng.

- Nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 số tiền nợ gốc 93.888.118 đồng; nợ lãi 48.465.423 đồng; tổng cộng 142.353.541 đồng.

Và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký giữa hai bên cho đến khi anh N trả hết nợ phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018. Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, 10, 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Trần Xuân N phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 17/6/2025 là 269.079.363 đồng, cụ thể:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ký ngày 09/03/2022 số tiền nợ gốc 110.090.000 đồng; nợ lãi trong hạn 15.855.761 đồng; nợ lãi quá hạn 780.061 đồng; tổng cộng 126.725.822 đồng.

- Nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 số tiền nợ gốc 93.888.118 đồng; nợ lãi 48.465.423 đồng; tổng cộng 142.353.541 đồng.

Kể từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018.

[3] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.453.968 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ do vậy hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.800.000 đồng.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, các Điều 280, 282, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng T đối với anh Trần Xuân N.

2. Buộc anh Trần Xuân N phải trả cho Ngân Hàng T số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 09/3/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 tính đến ngày 17/6/2025 là 269.079.363 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng), cụ thể:

- Nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0078/2022/HĐTD-OCB-CN ký ngày 09/03/2022 số tiền nợ gốc 110.090.000 đồng; nợ lãi trong hạn 15.855.761 đồng; nợ lãi quá hạn 780.061 đồng; tổng cộng 126.725.822 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

- Nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng, mở sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân ngày 14/11/2022 số tiền nợ gốc 93.888.118 đồng; nợ lãi 48.465.423 đồng; tổng cộng 142.353.541 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi một đồng).

Kể từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018.

3. Về án phí: anh Trần Xuân N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.453.968 đồng (mười ba triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng); hoàn trả lại Ngân Hàng T số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002448 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là thành phố Hoa Lư).

Về quyền kháng cáo: Ngân Hàng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2025); anh Trần Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP.Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án TPHoa Lư;
- Lưu HS, VPTA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hiền

